TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:164/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 232/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 08, ngõ 60, tổ dân phố T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Lương Thị N, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số nhà 08, ngõ 60, tổ dân phố T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh M và chị N đăng ký kết hôn ngày 13/11/2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống và phong cách sống không còn phù hợp. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng và không thể hàn gắn đoàn tụ được. Tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh M, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh M, chị N là hoàn toàn tự nguyện. Anh M, chị N đều xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh M, chị N theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh M và chị N có 02 con chung là Hoàng Thiên Long, sinh ngày 15/10/2010 và Hoàng Trung Kiên, sinh ngày 31/5/2017. Anh M và chị N thỏa thuận: Khi ly hôn Anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/10/2010. Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trung K, sinh ngày

31/5/2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, thỏa thuận của Anh M và chị N không trái quy định pháp luật, cháu Long trình bày có nguyện vọng được ở với Anh M sau khi bố mẹ cháu ly hôn. Do đó Tòa án cần công nhận thỏa thuận của Anh M, chị N về việc nuôi con chung: Anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thiên L sinh ngày 15/10/2010. Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 31/5/2017.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh M, chị N đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5]. Về lệ phí: Anh M, chị N xác nhận mỗi người nộp 150.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0001859 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh M, chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn M và chị Lương Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 15/10/2010. Chị Lương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trung K, sinh ngày 31/5/2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn M và chị Lương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn M, chị Lương Thị N đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Anh M, chị N mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm lăm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001859 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh M, chị N đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND phường L, TP. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hải Hường